



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
(MÃ CỔ PHIẾU: AMC)
NĂM 2022



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Mã chứng khoán	AMC
Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
Tên viết tắt	AMC
Tên tiếng Anh	Asia Mineral Joint Stock Company
Trụ sở chính	Lô 32- Khu C- Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Vốn điều lệ	28.500.000.000 đồng
Điện thoại	+84 238 3791 777
Fax	+84 238 379 555
Email	amc@amcvina.vn
Website	http://www.amcvina.vn/
Ngành nghề	Sản xuất kinh doanh bột đá trắng siêu mịn
Đăng ký kinh doanh	2703001715 cấp ngày 28/12/2007 tại Sở Kế hoạch Nghệ An
Nơi niêm yết	HNX
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Khối lượng đang NY	2.850.000
Tổng giá trị NY	28.500.000.000
Tổ chức kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế

- Quá trình hình thành và phát triển

Ngày tháng	Sự kiện tiêu biểu
2001-	Xí nghiệp Khai khoáng (Khai thác mỏ đá trắng) được thành lập là tiền thân của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu, thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế (Quận khu 4, Bộ Quốc phòng)
2007-	Thành lập tên: Công ty CP Khoáng sản Á Châu, vốn điều lệ: 28,5 tỉ đồng . Công ty Hợp tác kinh tế xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá trắng siêu mịn, và cùng một số thành viên khác thực hiện liên kết và sáng lập ra Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 28/12/2007 theo mô hình Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715
2010-	Đăng ký trở thành Công ty đại chúng
2012-	Đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

AMC là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO_3). Sản phẩm CaCO_3 siêu mịn có tráng phủ và không tráng phủ của AMC được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp như sản xuất sơn, nhựa, giấy cao cấp, cao su, kính, gốm sứ, đá marble nhân tạo, thức ăn chăn nuôi, mỹ phẩm, dược phẩm, bột trét tường,... và được khách hàng công nhận là lựa chọn tốt nhất của họ.

a) Ngành nghề kinh doanh

* Lĩnh vực kinh doanh

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác;

- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác;

- Cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường bộ.

* Sản phẩm dịch vụ chính

- Đá vôi trắng (đá hộc) dạng thô kích thước 100 -400 mm;

- Bột không tráng phủ và có tráng phủ kích thước từ 5 đến 30 μm ;

- Hoặc các sản phẩm theo cỡ hạt theo yêu cầu của khách hàng.

TT	Mã sản phẩm	Độ mịn		Cỡ hạt	
		(D50)	(D97)	(mm)	(Mesh)
1	NSS-500/C	0.60 μm Max	5.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.005	2500
2	NSS-800/C	1.90 μm Max	8.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.008	1500
3	NSS-1000/C	2.30 μm Max	10.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.010	1250
4	NSS-1500/C	3.20 μm Max	15.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.015	920
5	NSS-2000/C	4.50 μm Max	20.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.020	720
6	NSS-2500/C	5.50 μm Max	25.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.025	560
7	NSS-3000/C	6.50 μm Max	30.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.030	470
8	NSS-05	Hạt cát		4000	5
9	NSS-08	Hạt cát		2380	8
10	NSS-80	Hạt cát		0.177	80
11	NSS-180	Hạt cát		0.088	180
12	45R	20 μm Max	70-75 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.075	200

Đặc tính đá vôi (CaCO_3) có tính chất không cứng, không bền như các loại đá khác nên không thể ứng dụng được trong xây dựng và điêu khắc. Tuy nhiên, do tỉ lệ canxi trong đá cao nên đá vôi được khai thác, trải qua quá trình sản xuất cho ra bột đá trắng siêu mịn

với vai trò là thành phần phụ gia, nguyên liệu, chất độn, nhằm mục tiêu tăng cường một số đặc tính cần thiết cho sản phẩm cũng như hạ giá thành sản phẩm cuối cùng.

Những thông tin cơ bản về sản phẩm bột đá trắng siêu mịn của Công ty:

Các thành phần hóa học		Các đặc tính vật lý	
Hàm lượng CaCO ₃	≥ 98,98%	Độ sáng	≥ 96%
Hàm lượng MgCO ₃	≤ 0.21%	Độ trắng	≥ 97%
Hàm lượng Fe ₂ O ₃	≤ 0.02%	Độ ẩm	≤ 0.2%
Hàm lượng Al ₂ O ₃	≤ 0.03%	Khối lượng riêng (đá nguyên liệu)	2.7g/cm ³
Hàm lượng SiO ₂	≤ 0.12%	Độ thấm dầu (cỡ hạt mịn nhất)	≥ 24g/100g of CaCO ₃
Hàm lượng Na ₂ O	≤ 0.05%	Tỷ lệ hao hụt khi đốt cháy	≤ 43.08%

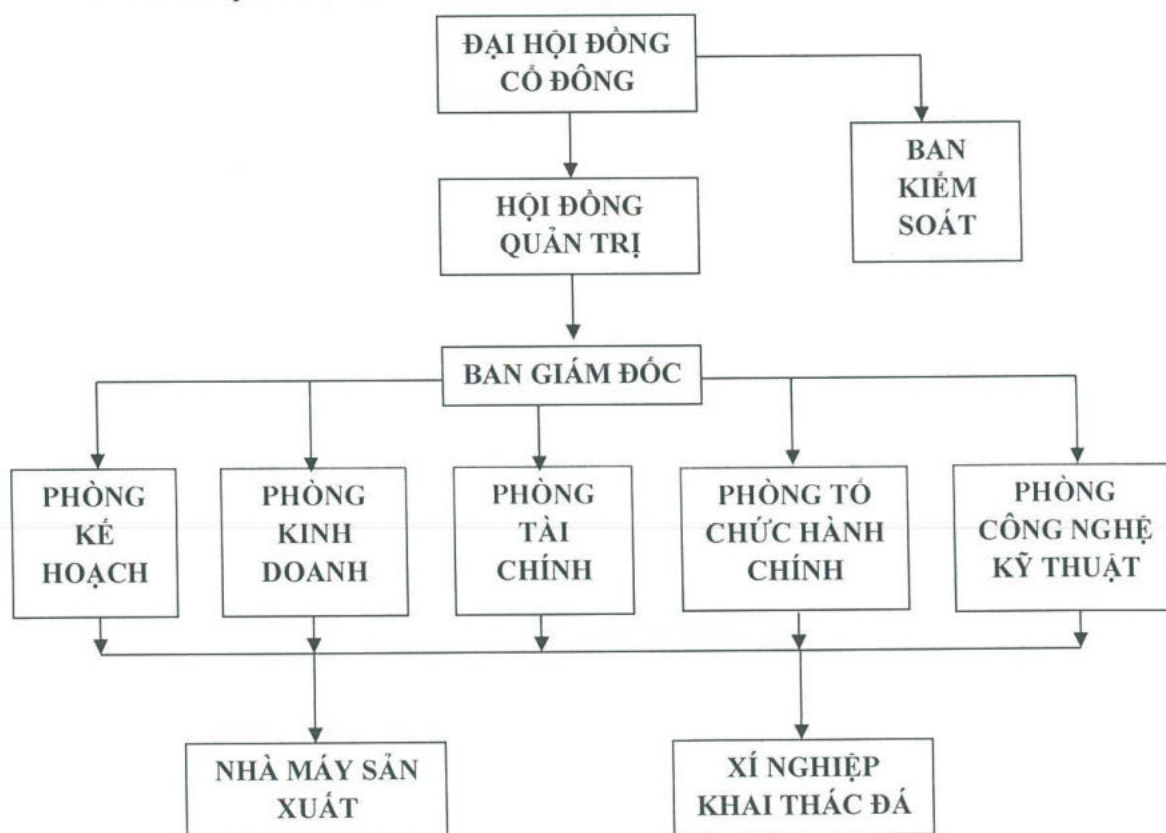
b) Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở và Nhà máy của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Nam Cẩm, cách Cảng Cửa Lò chỉ 5km, thuận tiện và tiết giảm chi phí vận chuyển, gần nguồn khai thác nguyên liệu.

- Hoạt động khai thác đá vôi trắng của Công ty diễn ra tại huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An (là 01 trong 02 địa phương có trữ lượng đá hoa trắng lớn nhất nước), Công ty sở hữu 02 mỏ đá vôi trắng, với tổng diện tích hơn 25 ha và trữ lượng hơn 9 triệu tấn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và sơ đồ bộ máy quản lý



- Công ty con và công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Khai thác, chế biến khoáng sản là lĩnh vực chủ lực, là cốt lõi của Công ty, đồng thời tiếp tục chiến lược đầu tư sang một số lĩnh vực sản xuất khác.

- Duy trì và củng cố đầu tư, khai thác các mỏ hiện có, tìm kiếm, thăm dò phát triển khai thác các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ phát triển các sản phẩm mới kể cả việc xây dựng thêm các nhà máy khác.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho các nhà máy sản xuất về đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản,...bảo vệ môi trường, để đảm bảo ổn định sản phẩm cung ứng, là cơ sở để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Duy trì vị thế doanh nghiệp trên thị trường; Công ty sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác, các khách hàng để hiện thực hóa chiến lược hoạt động SXKD có hiệu quả.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Khai thác, chế biến đá trắng là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực trong phát triển trung và dài hạn của AMC, là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

- Sản xuất, chế biến thành phẩm từ khoáng sản tự khai thác, bằng công nghệ hiện đại, để tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty.

- Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để tìm kiếm dự án sản phẩm khác nhằm thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

- Tuân thủ quy trình khai thác, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động khai thác và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.

- Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.

- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.

- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.

5. Các rủi ro

a) Rủi ro về pháp luật

AMC hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, vì vậy hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Khoáng sản, Luật môi trường và các văn bản luật có liên quan. Nên bất kỳ sự thay đổi nào của các bộ luật có liên quan cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến chính sách và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đặc biệt, AMC là doanh nghiệp có hoạt động SXKD nằm trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn, thi hành Luật khoáng sản khác có liên quan. Trong đó phải kể đến những quy định về hạn chế hay khuyến khích khai thác khoáng sản (bao gồm thuế xuất khẩu; phí, thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Thông tư 44/2017 của Bộ Tài chính) có ảnh hưởng rất lớn đến doanh nghiệp nói riêng và toàn ngành nói chung trong giai đoạn này.

* **Giải pháp:** Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác theo dõi, cập nhật và nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình; đồng thời thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động SXKD của Công ty được diễn ra liên tục và không bị gián đoạn.

b) Rủi ro về kinh tế

Năm 2022 là một năm đầy thách thức với nền kinh tế toàn cầu nói chung và trong nước nói riêng, mặc dù tình hình dịch Covid-19 có xu hướng được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kết hợp với xung đột Nga – Ucraina và sự xuất hiện nhiều yếu tố mới đã làm tăng thêm khó khăn, thách thức như căng thẳng năng lượng, giá dầu và hàng hóa thế giới tăng cao; chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy. AMC cũng không phải ngoại lệ. Công ty cũng gặp phải những rủi ro đến từ các biến số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, tỷ lệ lạm phát, kim ngạch xuất nhập khẩu, tỷ giá hối đoái, lãi suất,... Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng, tổng sản phẩm quốc nội tăng 8,02% và CPI tăng 3,15% so với năm 2021; ngân hàng nhà nước thường xuyên cung cấp các gói hỗ trợ doanh nghiệp, tỷ giá hối đoái cơ bản ổn định.

* **Giải pháp:** Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế để có những đề án, chiến lược và kế hoạch cụ thể, linh hoạt, kịp thời ứng phó với rủi ro.

c) Rủi ro thị trường tiêu thụ

Hiện nay, 27% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Campuchia, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan ... Điều này dẫn đến rủi ro cho Công ty khi các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu và cầu nhập khẩu.

* **Giải pháp:** Công ty luôn chủ động đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và rà soát kỳ hạn của các hợp đồng đã ký kết, chú trọng xây dựng chiến lược để tăng sức cạnh tranh trên thị trường hiện nay.

d) Rủi ro cấp phép khai thác mỏ

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Những luật này lại chưa hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành luật còn chưa rõ ràng đã gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Những yêu cầu về công nghệ khai thác rất nghiêm ngặt, trong trường hợp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí rất lớn đến từ chi phí đầu tư ban đầu.

* **Giải pháp:** Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

e) Rủi ro về môi trường

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối từ dư luận đối với hoạt động khai thác của Công ty. Việc thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao thể hiện việc nâng rào của Nhà nước đối với hoạt động này và sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

* **Giải pháp:** Công ty dự báo xác suất rủi ro và đánh giá thiệt hại khi rủi ro xảy ra đối với từng lĩnh vực hoạt động để có biện pháp phòng ngừa và cải thiện thích hợp. Ban lãnh đạo của Công ty cũng phổ biến rộng rãi các Quy định về việc bảo vệ môi trường, nghiên cứu các giải pháp công nghệ giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

g) Rủi ro khác

Các yếu tố thời tiết như nắng nóng khắc nghiệt, mưa, bão lũ, sạt lở ảnh hưởng lớn đến sản lượng khai thác mỏ đá và sản xuất tại nhà máy của Công ty.

* **Giải pháp:** Để hạn chế những thiệt hại khi có bất khả kháng xảy ra, Công ty đã chủ động tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các dự án, công trình đang triển khai.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động SXKD

a) Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2022

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH2022/TH2021	TH/KH 2022
Doanh thu	Triệu đồng	157.803	151.473	166.225	105,1%	109,7%

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH2022/TH2021	TH/KH 2022
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.006	7.660	8.214	102,6%	107,2%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.079	6.822	6.319	89,3%	92,6%
Cổ tức	%	20	20	15	75,0%	75,0%

Năm 2022, AMC thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện gặp nhiều khó khăn: Giá nhiên liệu tăng cao, thị trường tiêu thụ chịu tác động nhiều do chiến tranh Nga – Ucraina. Nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ CNV Công ty, bằng nhiều giải pháp, biện pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty vẫn duy trì được ổn định và phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Sản lượng sản xuất: 118.569 tấn; đạt 104,3% kế hoạch; bằng 100,4% so với năm 2021.

- Sản lượng tiêu thụ: 120.103 tấn; đạt 105,6% kế hoạch; bằng 104,7% so với năm 2021.

- Doanh thu và thu nhập khác: 166,2 tỷ đồng; đạt 109,7% kế hoạch; bằng 105,07% so với năm 2021.

- Tổng chi phí: 158 tỷ đồng; bằng 109,8% kế hoạch; bằng 105,2% so với năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế: 8,2 tỷ đồng; đạt 107,2% kế hoạch; bằng 102,6% so với năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế: 6,3 tỷ đồng; đạt 92,6% kế hoạch; bằng 89,3% so với năm 2021. Nguyên nhân, do: Trong năm 2022, truy thu thuế TNDN (năm 2019-2021) theo Quyết định số 2492/QĐ-CT ngày 30/09/2022 của Cục thuế Nghệ An, số tiền: 716.423.064 đồng.

- Chi trả cổ tức năm 2022 (dự kiến) 15% thấp hơn so với kế hoạch và so với năm 2021 là do Lợi nhuận sau thuế giảm và tăng trích quỹ Đầu tư phát triển để nhằm mục đích đầu tư tăng năng lực sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Năm 2022, hoạt động SXKD của Công ty vẫn duy trì ổn định, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, tăng so với năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

*** Ông Lê Đình Hùng - Giám đốc điều hành Công ty (miễn nhiệm ngày 01/08/2022)**

- Ngày tháng năm sinh: 20/7/1971.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm nghiệp.

Quá trình công tác:

- 1995-1998: Đội Lâm sinh - Công ty Hợp tác kinh tế;

- 1998-1999: Đội khảo sát gỗ cứng - Công ty Hợp tác kinh tế;
- 1999-2000: Đội KT gỗ Nà Hin - Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2000-2003: Đội Lâm sinh - Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2003-2005: Phó chỉ huy trưởng, Công trường 4B- Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2005-2006: Đội trưởng, Đội Lâm sinh- Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2006-2013: Trưởng TB KH, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- Tổng công ty Hợp tác kinh tế;
- 2013-2015: PB thường trực, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- Tổng công ty Hợp tác kinh tế;
- 2016- 9/2018: Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Sông Đà Trường Sơn;
- 9/2018 – 07/2022: Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Á Châu;
- 08/2022: Nghỉ chế độ và thôi chức vụ Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Á Châu.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2022 (%): 0,18%

*** Ông Lê Văn Chiến** – *Quyền Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 01/08/2022)*
– *Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 19/08/2022)*

- Ngày tháng năm sinh: 28/05/1976.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.

Quá trình công tác:

- 2000-2004: Cán bộ kinh doanh - Công ty TNHH Nhất Vinh;
- 2004-2007: Giám đốc - Công ty TNHH Trọng Tín;
- 2007-2012: Trưởng ban Thị trường - Phòng kinh doanh - Công ty CP Khoáng sản Á Châu;
- 2012- 5/2018: Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty CP Khoáng sản Á Châu;
- 5/2018 – 07/2022: Phó Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Á Châu;
- 07/2022- 08/2022: Quyền Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Á Châu;
- 08/2022- nay : Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Á Châu.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2021 (%): 1,02%

*** Ông Quế Minh Hoàng - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính**

- 2001-2003: Trợ lý kế toán - Công ty Chế biến gỗ Lào Ngam/Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2004-2007: Kế toán trưởng - Công ty Chế biến gỗ Lào Ngam/Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2008-2010: Trợ lý Ban kiểm soát - Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2010-2015: Trợ lý Ban kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Hợp tác kinh tế;
- 2015-5/2020: Phó Chánh Văn phòng - Tổng Công ty Hợp tác kinh tế;

- 6/2020 - đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Công ty CP Khoáng sản Á Châu.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2022 (%): 0%

b) Những thay đổi trong ban điều hành : Không thay đổi.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên và người lao động của Công ty tính đến hết ngày 31/12/2022 là 114 người, được phân loại như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2021 (người)	Số lượng 2022 (người)	Tỷ trọng 2022 (%)
A	Theo trình độ lao động	115	114	
1	Đại học và trên Đại học	26	25	22%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	8	9	8%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	46	44	38%
4	Lao động phổ thông	35	36	32%
B	Theo đối tượng lao động	115	114	
1	Lao động trực tiếp	84	74	65%
2	Lao động gián tiếp	31	40	35%
C	Theo giới tính lao động	115	114	
1	Nam	98	98	86%
2	Nữ	17	16	14%
D	Theo độ tuổi	115	114	
1	Dưới 25	0	0	0%
2	Từ 25-35	31	31	27%
3	Trên 35	84	83	73%
Tổng cộng		115	114	

*** Chính sách đối với người lao động**

- Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của Công ty, Ban lãnh đạo AMC luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển của Công ty.

- Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường làm việc thân thiện, an toàn, lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

- Công ty luôn đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động; chăm lo đời sống vật chất, nơi ăn chỗ ở cho người lao động, để người lao động đồng lòng, quyết tâm gắn bó lâu dài với đơn vị.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Tổng chi phí đầu tư MMTB, đầu tư dự án trong năm 2022 là 471 triệu đồng. Chủ yếu là mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	DVT	2021	2022	% tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	85.504	74.875	(12,43)
Doanh thu thuần	Triệu đồng	157.803	165.171	4,67
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	8.047	8.696	8,1
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(40)	(481)	1.103
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.006	8.214	2,6
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.079	6.319	(10,7)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	% Tăng (giảm)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,33	1,68	26
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,1	1,27	15
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41,1	33,2	(19)
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	70	49,8	(28,6)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,9	10,96	23
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,74	2,2	26,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,49	3,83	(14,8)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	15,92	14,53	(8,8)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,81	7,88	0,88
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	5,1	5,26	3,2

- Khả năng thanh toán: Năm 2022, khả năng thanh toán của Công ty được cải thiện so với năm 2021, cụ thể: Khả năng thanh toán hiện hành đạt 1,68 lần, tăng 26% so với năm 2021 và Khả năng thanh toán nhanh đạt 1,27 tăng 15% so với 2021. Hệ số

thanh toán trên là đáp ứng đủ mức an toàn đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản.

- *Cơ cấu vốn*: Tỷ trọng nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn Chủ sở hữu của Công ty giảm trong năm 2021. Cụ thể nợ chiếm 33,2% tổng tài sản và bằng 49,8% vốn chủ sở hữu, giảm lần lượt 19% và 28,6% so với năm 2021. Tỷ lệ trả cổ tức 15% giảm so với năm 2021 (20%). Nhìn chung, đây là mức cơ cấu vốn an toàn.

- *Năng lực hoạt động*: Vòng quay hàng tồn kho tăng 23% so với 2021, từ 8,9 lên 10,96 vòng. Nguyên nhân do trong năm 2022, dây chuyền HC 1500 đầu tư năm 2020 đưa vào vận hành ổn định; hệ thống máy móc cũ vẫn đảm bảo cho sản xuất; công tác tiêu thụ tuy vẫn bị ảnh hưởng từ những khó khăn chung (ảnh hưởng chiến tranh Nga – Ucraina; cạnh tranh thị trường; giá nhiên liệu tăng cao...) nhưng vẫn bám sát kế hoạch đã đề ra. Sản lượng sản xuất trong năm 2022 là 118.569 tấn, đạt 104,3% kế hoạch; bằng 100,4% so với năm 2021. Trong khi sản lượng tiêu thụ 120.103 tấn, đạt 105,6% kế hoạch; bằng 104,8% so với năm 2021. Doanh thu thuần trên Tổng tài sản tăng 26,7% so với 2021, sản lượng tiêu thụ giảm nhưng tăng trưởng danh thu so với tăng trưởng tài sản vẫn không bị suy giảm.

- *Khả năng sinh lời*: ROE trong năm 2022 là 14,53% giảm so 8,8% so với năm 2021. Nguyên nhân, do: Trong năm 2022, truy thu thuế TNDN (năm 2019-2021) theo Quyết định số 2492/QĐ-CT ngày 30/09/2022 của Cục thuế Nghệ An, số tiền: 716.423.064 đồng, làm cho Lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm 10,7% so với năm 2021 .

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2022, AMC đã phát hành 2.850.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số lượng cổ phần : 2.850.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu phổ thông : 2.850.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.850.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần năm 2022	Tỷ lệ sở hữu năm 2022
1	Cổ đông Nhà nước	1.140.000	40%
2	Cổ đông Nước ngoài	162.700	5,7%
3	Cổ đông khác	1.547.300	54,3%
	Tổng	2.850.000	100%

*** Danh sách cổ đông lớn**

Tên tổ chức	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	VSDAMC2706000028	Số 187 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An	1.140.000	40%

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không thay đổi.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm*

TT	Danh mục NVL	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đá vôi trắng	Tấn	124.491	288.960	35.972.893.554
2	Bao bì	Bao	1.988.747	5.120	10.182.563.298
3	Nguyên vật liệu khác (chi khâu; dịch trợ nghiền; Axit Stearic ...)				1.194.472.636
+	Tổng cộng				47.349.929.488

b) *Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:* Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp*

- Tổng sản lượng điện tiêu thụ : 8.151.679 KW.

- Tổng chi phí năng lượng điện : 13.813.276.116 đồng.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:* Không.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:* Không

6.3. Tiêu thụ nước

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng*

- Tổng sản lượng nước tiêu thụ : 4.230 m³.

- Tổng chi phí : 65.262.850 đồng.

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không.

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Quân số: 114 người.
- Thu nhập bình quân người lao động: 10.900.000 đồng/người/tháng, đạt 108,1% kế hoạch, bằng 102,9% so với năm 2021.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

*** Về chế độ làm việc**

- Về thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động trực tiếp, do đặc thù của ngành nghề khai thác, chế biến khoáng sản. Văn phòng, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động (quần áo, khẩu trang, kính mũ và dây bảo hộ ...), vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

*** Chính sách khen thưởng và kỉ luật**

- Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như: Thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc, thưởng phong trào thi đua quý, năm...

- Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình. Đảm bảo tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các chế độ theo quy định của Nhà nước: Chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với quy định của Công ty đồng thời đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

- Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, ốm đau, nghỉ dưỡng hàng năm,... Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Cán bộ, CNV, người lao động làm việc tại Công ty luôn được chú trọng đào tạo trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, nâng cao tay nghề, bậc thợ và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Công ty.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh quan trọng được ưu tiên hàng đầu của AMC. Công ty luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề với trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trong nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi công ty có lợi ích hoạt động. Cụ thể:

- Tuân thủ quy trình, quy định khai thác, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong lao động; đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.
- Duy trì đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy.
- Kiểm tra định kì các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.
- Quan tâm hỗ trợ người dân, những người khó khăn trong địa bàn nơi công ty hoạt động và giúp đỡ cộng đồng trong khả năng của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

- Kết quả SXKD năm 2022

Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 2022	TH 2022/ TH2021	TH/KH 2022
Doanh thu	Triệu đồng	158.197	151.473	166.225	105,1%	109,7%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.006	7.660	8.214	102,6%	107,2%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.079	6.822	6.319	89,3%	92,6%
Cổ tức	%	20	20	15	75%	75%

Ban Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động SXKD 2022 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế giảm 11% so với năm 2021, do trong năm 2022 Công ty bị truy thu thuế TNDN (năm 2019-2021) theo Quyết định số 2492/QĐ-CT ngày 30/09/2022 của Cục thuế Nghệ An, số tiền: 716.423.064 đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

TT	Tài sản	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	41.961	36.441
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	5.170	9.610
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	28.726	16.322
-	Hàng tồn kho	Triệu đồng	7.192	8.966
-	Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	872	1.543
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	43.543	38.433

TT	Tài sản	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
-	Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	2.933	3.332
-	Tài sản cố định	Triệu đồng	30.484	24.657
-	Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	178	0
-	Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	9.947	10.443
+	Tổng tài sản	Triệu đồng	85.504	74.875

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2022 là 74,875 tỷ đồng, giảm 10,6 tỷ đồng (tương đương giảm 12,4%) so với năm 2021, chủ yếu do các khoản phải thu giảm, tài sản cố định giảm (do máy móc cũ hết khấu hao). Đặc thù là doanh nghiệp ngành khoáng sản, tài sản cố định chủ yếu của Công ty là máy móc, cơ sở vật chất phục vụ công tác khai thác nên chưa có sự thay đổi quá lớn, cơ cấu tài sản giữ ở mức ổn định trong những năm gần đây.

- *Tài sản dài hạn*: Tài sản dài hạn năm 2022 đạt 38,433 tỷ đồng, giảm 5,1 tỷ đồng (tương đương giảm 11,7%) so với 2021. Nguyên nhân chủ yếu từ khấu hao tài sản, trong năm công ty chỉ đầu tư máy móc thiết bị giá trị 471 triệu đồng.

- *Tài sản ngắn hạn*: Tài sản ngắn hạn năm 2022 đạt 36,4 tỷ đồng, giảm 5,5 tỷ đồng (tương đương giảm 13,2%) so với năm 2021, do: Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 4,4 tỷ đồng (tương đương giảm 86%); phải thu ngắn hạn giảm 12,4 tỷ đồng (tương đương giảm 43%). Bên cạnh đó hàng tồn kho tăng 1,7 tỷ (tương đương tăng 24,6%). Nguyên nhân do trong năm, công ty thu hồi công nợ tốt (tỷ lệ công nợ thu hồi 92,1% trên tổng công nợ phải thu 206 tỷ đồng).

- *Tỷ trọng tài sản*:

+ Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản : 48,67%;

+ Tỷ trọng Tài sản cố định / Tổng tài sản : 32,93%.

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 24,9 tỷ đồng, giảm 10,2 tỷ đồng (tương đương giảm 29%) so với năm 2021. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: Giảm 9,8 tỷ đồng (tương đương giảm 31,1%) so với năm 2021, chủ yếu là do nợ vay tài chính ngắn hạn giảm 9,3 tỷ đồng.

- Nợ dài hạn: Giảm 440 triệu đồng (tương đương giảm 12%) so với năm 2021, do khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 836 triệu đồng (tương đương giảm 45%).

- Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái: Hoạt động SXKD của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng bởi các biến động của tỷ giá hối đoái do 27% doanh thu của Công ty đến từ xuất khẩu với đồng tiền giao dịch là USD. Tỷ giá hối đoái năm 2022 cơ bản duy trì ổn định, do Công ty tìm cách tối ưu thời hạn thanh toán của các khoản nợ, như: Dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỉ giá và rủi ro thanh khoản; cùng với

việc nợ thuần ngoại tệ của Công ty có giá trị khá nhỏ nên không có ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty.

- Ảnh hưởng của biến động lãi suất vay: Khoản nợ vay của Công ty chủ yếu đến từ khoản vay tài chính ngắn hạn chiếm 96,9% tổng nợ vay, với mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn và đầu tư máy móc thiết bị. Trong năm 2022, lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng là tương đối ổn định, nên mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đối với doanh nghiệp là không đáng kể. Đối với các khoản vay dài hạn, từ năm đầu năm 2017 đến nay, Công ty tăng cường hoạt động đầu tư đẩy mạnh sản xuất. Các khoản vay nợ của Công ty đều được áp mức lãi suất cố định và tương đối thấp nên không cần phải lo ngại trước biến động lãi suất đi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2022 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, xung đột Nga- Ucraina, gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, nhưng hoạt động SXKD của Công ty vẫn duy trì ổn định, phát triển, có hiệu quả cao, các chỉ tiêu kinh tế đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Ban Giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, cụ thể:

a) Công tác kế hoạch

- Công tác điều hành sản xuất, định hướng sản xuất và giám sát sản xuất được thực hiện khoa học, điều hành linh động đạt hiệu quả cao trong sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch SXKD hàng tuần, tháng, quý kịp thời, tính khả thi cao.

- Áp dụng các định mức KTKT vào từng cung đoạn sản xuất, thường xuyên theo dõi giám sát chặt chẽ chi phí trong toàn Công ty, quản lý tốt chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất hợp lý và khoa học.

- Quản lý tốt giá thành sản xuất, tổ chức lựa chọn được các đối tác cung cấp nguyên liệu như: Bao bì, đá trắng, a xít, dịch trợ nghiền,... ổn định, đảm bảo về chất lượng, giá cả tốt nhất.

b) Công tác thị trường

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường ngắn hạn và dài hạn phù hợp với năng lực sản xuất của Công ty. Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt phù hợp với thị trường nội địa và xuất khẩu, mang lại hiệu quả.

- Quản lý tốt thị trường đã có, không ngừng khai thác mở rộng thị trường mới.

- Từng bước xây dựng thương hiệu AMC và nhãn hiệu hàng hóa NSS của Công ty trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Thương hiệu của Công ty được khách hàng trong nước và nước ngoài tín nhiệm và đánh giá cao.

c) Công tác quản lý tài chính

- Công tác quản lý sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn của đơn vị được thực hiện chặt chẽ; huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, nguồn vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển.

- Công tác hạch toán kế toán đúng nguyên tắc, phù hợp với quy chế quản lý tài chính. Cập nhật kịp thời các văn bản, chính sách thuế mới.

- Khai thác tốt các nguồn vốn, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho sản xuất và đầu tư theo kế hoạch; đảm bảo chế độ tiêu chuẩn tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác cho người lao động và các nhu cầu chi thường xuyên của Công ty. Cơ bản đã chấp hành tốt chế độ thu nộp bảo hiểm, thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Công nợ phải thu, phải trả được phân loại, theo dõi chi tiết theo từng đối tượng thanh toán. Đơn vị đã tích cực, chủ động thu hồi công nợ để đảm bảo kịp thời vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư (*trong năm 2022 đơn vị đã thu hồi công nợ được 190 tỷ đồng, trên tổng công phải thu 206 tỷ đồng, bằng 92,2% nợ phải thu*).

d) Công tác công nghệ - kỹ thuật

- Đảm bảo kịp thời, có hiệu quả vật tư, thiết bị phục vụ cho SXKD. Thực hiện tốt công tác bảo đảm kỹ thuật, tổ chức bảo dưỡng MMTB đúng quy trình, quy định, hạn chế tối đa việc ách tắc công việc do hư hỏng xe máy thiết bị gây ra.

- Tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu MMTB để đầu tư tăng năng lực sản xuất cho đơn vị.

- Quản lý, thống kê, theo dõi hoạt động máy móc thiết bị chặt chẽ, thực hiện kịp thời, có chất lượng việc sửa chữa máy móc thiết bị, chỉ đạo bảo dưỡng máy móc đúng quy trình và quy định.

đ) Công tác tổ chức lao động – hành chính

- Công tác tuyển dụng: Phù hợp với nhu cầu sử dụng của Công ty.

- Công tác tiền lương: đảm bảo tính toán chính xác lợi ích cho người lao động, động viên khen thưởng kịp thời.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

- Thực hiện tốt trong việc thăm hỏi ốm đau, thai sản, hiếu hỉ và chăm lo cho công nhân lao động khi gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.

- Kịp thời gặp mặt, đối thoại, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng giải quyết các thắc mắc của người lao động.

e) Công tác điều hành tại phân xưởng

- Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, khắc phục kịp thời MMTB khi hỏng hóc.

- Thực hiện tốt các lệnh sản xuất của Công ty; thực hiện tốt công tác điều hành tại Đội khai thác đá Quý Hợp.

g) Công tác thực hiện Nghị quyết Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị

Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết Hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng Quản trị năm 2022.

** Một số khó khăn, tồn tại và hạn chế*

- Năm 2022, tình hình dịch Covid-19 có xu hướng được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kết hợp với xung đột Nga – Ucraina, làm cho giá cả nhiên

nguyên vật liệu đầu vào (xăng dầu, bao bì, Axit trảng phủ, các loại vật tư liên quan đến sắt thép ...), chi phí cước vận tải liên tục tăng, làm gia tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nhiều sản phẩm phải giảm giá bán để cạnh tranh; máy móc hư hỏng nhiều, phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả khách hàng tuy đã giảm so với đầu năm, nhưng số dư vẫn còn lớn; công tác thu hồi, giải quyết công nợ tồn đọng vẫn còn một số đơn vị chưa xử lý dứt điểm được

- Một số cán bộ nhân viên tinh thần trách nhiệm còn yếu, có biểu hiện dao động.

- Một số quy trình quản lý còn chưa khoa học, chưa đáp ứng được với yêu cầu cao của một số khách hàng nước ngoài.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tập trung khai thác đá tại các mỏ đá của Công ty và chế biến đá trắng là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực để phát triển trong tương lai của AMC, là điều kiện để Công ty tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

- Sản xuất, chế biến thành phẩm từ khoáng sản tự khai thác, bằng công nghệ hiện đại, để tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty.

- Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu lập các Dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện đầu tư dự án đảm bảo theo đúng tiến độ đúng trình tự quy định của pháp luật hiện hành, nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả SXKD cho đơn vị.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a) Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Kinh tế thế giới năm 2022 có nhiều biến động nhưng nhìn chung, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn giữ vững mức độ ổn định. Tốc độ tăng trưởng GDP 8,02%, CPI tăng 3,15% so với năm trước, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản và nhu cầu xây dựng phát triển.

Đối với ngành khai thác đá vôi và chế biến bột đá, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành đang diễn ra ngày càng gay gắt đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, đầu tư và triển khai các hoạt động khác của Công ty. Nhiều nhà máy đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động cạnh tranh về thị phần gay gắt, nhiều doanh nghiệp mới đã bán hạ giá thấp để vào thị trường làm Công ty cũng phải hạ giá để giữ thị phần, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

b) Đánh giá về Công tác quản lý

Công suất MMTB được phát huy tối đa, công tác quản lý định mức KTKT, định mức chi phí, giá thành sản phẩm chặt chẽ, bám sát kế hoạch sản xuất nên giá thành sản xuất sản phẩm đá trắng cơ bản thấp hơn giá thành kế hoạch. Công tác duy tu bảo dưỡng MMTB được quan tâm thực hiện thường xuyên, không để gián đoạn trong sản xuất, không để xảy ra hỏng hóc lớn. Kết quả hoạt động SXKD đạt và vượt mức kế hoạch đề ra

c) Công tác quản trị tài chính và nhân sự

- Quản trị tài chính kế toán có nề nếp, thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, khai thác đảm bảo đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho SXKD và đầu tư. Ghi chép sổ sách, lập chứng từ và lập báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, trung thực và khách quan, phù hợp theo chính sách chế độ nhà nước quy định.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách của người lao động: Chế độ bảo hiểm, bảo hộ, lương, thưởng, nâng lương và các khoản phúc lợi xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

- Thực hiện tốt việc nộp ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường và công tác quan hệ với địa phương tại địa bàn đứng chân được quan tâm. Công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Phụ nữ được duy trì và hoạt động có hiệu quả.

d) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Công ty đã luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề với trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trong nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi công ty có lợi ích hoạt động.

- Tuân thủ quy trình, quy định khai thác, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong lao động, và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.

- Duy trì đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy.

- Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.

- Quan tâm hỗ trợ người dân, những người khó khăn trong địa bàn nơi công ty hoạt động và giúp đỡ cộng đồng trong khả năng của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

a) Những điểm làm được

- Trong 2022, Ban Giám đốc đã lĩnh hội, tiếp thu và tuân thủ một cách đầy đủ, nghiêm túc, kịp thời những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty.

- Năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng Giám đốc cùng với Ban điều hành và với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ CNV Công ty, bằng nhiều giải pháp, biện pháp quyết liệt, kịp thời, như: Tăng cường công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm; đầu tư MMTB để đảm bảo sản xuất, cải tiến thiết bị tăng công suất máy móc và năng suất

lao động; quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, có các chính sách động viên người lao động để họ yên tâm làm việc nên đã làm giảm giá thành sản phẩm, giữ và mở rộng được thị trường, hoạt động SXKD của Công ty vẫn duy trì được ổn định và phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể: Doanh thu đạt 109% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 107% kế hoạch; Thu nhập bình quân người lao động: 10.900.000 đồng/người/tháng, đạt 108% kế hoạch.

- Ban Giám đốc đã không ngừng cải thiện và phát triển hệ thống sản xuất của Công ty, thường xuyên bám sát, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các định mức KTKT để quản lý điều hành Công ty. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc luôn tích cực, cố gắng chủ động trong công tác thị trường nhằm đảm bảo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Đoàn kết thống nhất nội bộ, quan tâm chăm lo đến công tác đời sống người lao động, công tác kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động.

b) Những điểm chưa làm được

- Do thị trường bán hàng cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nhiều sản phẩm phải giảm giá bán để cạnh tranh; máy móc hư hỏng nhiều, phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả khách hàng trong năm vẫn còn lớn; công tác thu hồi, giải quyết công nợ tồn đọng vẫn còn một số đơn vị chưa xử lý dứt điểm được.

- Một số cán bộ nhân viên tinh thần trách nhiệm còn yếu, có biểu hiện dao động.

- Một số quy trình quản lý còn chưa khoa học, chưa đáp ứng được với yêu cầu cao của một số khách hàng nước ngoài.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Đánh giá thị trường năm 2023

Trước những diễn biến kinh tế khó lường ở trong nước cũng như quốc tế, Công ty dự báo tình hình thị trường năm 2023 sẽ có những biến động lớn theo thiên hướng bất lợi cho hoạt động SXKD của Công ty; sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn những nhà sản xuất mới trong cùng ngành hàng gây ra áp lực cạnh tranh rất lớn trên thị trường cả về giá lẫn sản lượng tiêu thụ. Mặt khác, thị trường của các sản phẩm Sơn, Nhựa, Cao Su, Giấy, ... là các sản phẩm có sử dụng bột đá của Công ty hiện tại đang có chiều hướng trầm lắng xuống khiến mức tiêu thụ bột đá cũng giảm theo. Giá xăng dầu, nguyên vật liệu có diễn biến tăng mạnh trong đầu năm 2023, cước vận tải trong nước và quốc tế có xu hướng tăng sẽ làm giảm lợi nhuận gộp của Công ty.

Xác định năm 2023 sẽ rất khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty, vì vậy HĐQT quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2023. Đặc biệt, Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.

b) Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Sản lượng tiêu thụ bột đá	Tấn	113.600
2	Doanh thu	Triệu đồng	162.877
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.786
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.080
5	Dự kiến phân phối Lợi nhuận		
-	Trích quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	1.047
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	608
-	Thưởng Ban điều hành	Triệu đồng	150
-	Chia cổ tức	Triệu đồng	4.275

c) Phương hướng thực hiện

- Nắm chắc diễn biến tình hình thị trường, duy trì ổn định thị trường đã có, phát triển thị trường mới; chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu dự trữ để ổn định sản xuất, đảm bảo sản phẩm cho thị trường tiêu thụ. Tăng cường công tác quản lý định mức KTKT, tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Xây dựng phương án chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định cho sản xuất, chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp tăng sản lượng khai thác mỏ Châu Quang, Châu Hồng.

- Thực hiện tốt công tác công nghệ kỹ thuật, tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời, bảo đảm có hiệu quả MMTB cho sản xuất; đẩy mạnh công tác sáng kiến CTKT, thay đổi một số khâu sản xuất để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả. Tăng cường kiểm tra để ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng đầu tư khi có cơ hội, chủ động nghiên cứu, tính toán và triển khai thực hiện đầu tư dây chuyền nghiền mịn. Tìm hiểu, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục pháp lý của mỏ Châu Quang.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả, nhất là các quy trình thủ tục quản lý nội bộ về định mức, thanh quyết toán, quản lý hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý chất lượng sản phẩm...

- Thực hiện tốt công tác tài chính - kế toán; tích cực tìm kiếm các giải pháp về vốn như thu hồi công nợ khách hàng, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho SXKD và đầu tư kịp thời.

- Đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi chế độ cho người lao động, thường xuyên quan tâm đến công tác ATLĐ, VSLĐ và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc. thực hiện

tốt công tác bảo vệ môi trường. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, khai thác và tham gia giao thông.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác hành chính trong toàn đơn vị; chăm lo đời sống vật chất, nơi ăn chỗ ở cho người lao động để người lao động đồng lòng, quyết tâm gắn bó lâu dài với đơn vị.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định lãnh đạo quản lý và giải quyết các vấn đề cần thiết; thực hiện nghiêm chỉnh chế độ đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (31/12/2022)

TT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP phổ thông nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Ông Đinh Xuân Tụ	Chủ tịch	521.000	18,28%	
2	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên	5.000	0,18%	Không là thành viên HĐQT từ 28/7/2022
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	371.000	13,02%	
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	5.000	0,18%	
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	96.100	3,37%	
6	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	0	0%	Thành viên HĐQT từ 28/7/2022

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, đã tổ chức 5 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua những nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD năm 2022.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Xuân Tụ	Chủ tịch	5	100%	
2	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên	3	60%	Không là thành viên HĐQT từ 28/7/2022
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	5	100%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	3	60%	Bận công tác
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	4	75%	Bận công tác
6	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	2	40%	Thành viên HĐQT từ 28/7/2022

HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Giám đốc trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu SXKD của Công ty. Ban hành các Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoạt động; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT.

*** Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm:**

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2022/NQ-HĐQT	21/01/2022	Thông qua báo cáo quyết toán năm 2021 và kế hoạch 2022.
2	Số 02/2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Chốt danh sách đề triệu tập ĐHCĐ 2022.
3	Số 03/2022/NQ-HĐQT	15/04/2022	Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý I.
4	Số 04/2022/NQ-HĐQT	18/04/2022	Quyết định về việc thanh xử lý tài sản
5	Số 05/2022/NQ-HĐQT	27/05/2022	Thông qua chi trả cổ tức 2021
6	Số 06/2022/NQ-HĐQT	09/06/2022	Chốt danh sách đề triệu tập đại hội cổ đông bất thường 2022.
7	Số 07/2022/NQ-HĐQT	19/07/2022	Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý II.
8	Số 08/2022/NQ-HĐQT	28/08/2022	Thông qua việc bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
9	Số 09/2022/NQ-HĐQT	28/07/2022	Quyết định miễn nhiệm giám đốc công ty
10	Số 10/2022/NQ-HĐQT	28/07/2022	Quyết định bổ nhiệm quyền giám đốc
11	Số 11/2022/NQ-HĐQT	28/07/2022	Quyết định bổ nhiệm phụ trách phòng kinh doanh
12	Số 14/2022/NQ-HĐQT	12/10/2022	Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý III

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
13	Số 14A/2022/NQ-HĐQT	12/10/2022	Quyết định bổ nhiệm trưởng phòng kinh doanh
14	Số 15/2022/NQ-HĐQT	13/10/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃
15	Số 16/2022/NQ-HĐQT	13/10/2022	Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃ .
16	Số 17/2022/NQ-HĐQT	13/10/2022	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃ .
17	Số 18/2022/NQ-HĐQT	14/10/2022	Quyết định thành lập Hội đồng mua bán hàng hóa, bán tài sản thanh lý.
18	Số 19/2022/NQ-HĐQT	14/10/2022	Quyết định thành lập ban quản lý dự án đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃
19	Số 20/2022/NQ-HĐQT	25/10/2022	Nghị quyết thông qua việc vay vốn bảo lãnh tại ngân hàng
20	Số 20A/2022/NQ-HĐQT	07/11/2022	Quyết định hủy thầu dự án đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃
21	Số 21/2022/NQ-HĐQT	19/11/2022	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃ .
22	Số 22/2022/NQ-HĐQT	30/11/2022	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn gói thầu số 1: Tư vấn lập và đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃
23	Số 23/2022/NQ-HĐQT	30/11/2022	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn gói thầu số 2: Tư vấn thẩm tra Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu đầu tư kho chứa sản phẩm bột đá CaCO ₃
24	Số 24/2022/NQ-HĐQT	24/12/2022	Quyết định đầu tư lắp đặt hệ thống trạm cân tại Mỏ Châu Hồng
25	Số 25/2022/NQ-HĐQT	30/12/2022	Quyết định đầu tư lắp đặt hệ thống trạm cân tại Mỏ Châu Quang

Trong năm 2022, thành viên HĐQT cơ bản đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và biểu quyết khi Lấy phiếu xin ý kiến, thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số CP nắm giữ (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng ban	0	0%	24/3/2018 16/04/2022
2	Ông Bùi Nam Anh	Trưởng ban	0	0%	16/04/2022
3	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	10.000	0,35%	24/03/2018
4	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	0	0%	24/03/2018

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng ban	2/3	67%	Không còn là thành viên BKS
2	Ông Bùi Nam Anh	Trưởng ban	2/3	67%	Chưa là thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	3/3	100%	
4	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	3/3	100%	

- Công tác kiểm soát quá trình quản lý và điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, đảm bảo hoạt động SXKD được triển khai theo đúng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch đã đưa ra trong ĐHCĐ và các cuộc họp của HĐQT. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; thẩm định BCTC trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình ĐHCĐ thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty, nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban Kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

- Đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích

	Họ và Tên	Chức Danh	Thù lao
Hội đồng quản trị	Đình Xuân Tụ	Chủ tịch HĐQT	91.054.896
	Lê Đình Hùng	Thành viên HĐQT	39.836.517
	Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	68.291.172
	Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	68.291.172
	Nguyễn Thị Ngân	Thành viên HĐQT	68.291.172
	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	28.454.655
	Tổng		364.219.584
Ban Giám đốc	Lê Đình Hùng	Nguyên giám đốc	39.836.517
	Lê Văn Chiến	Giám đốc	68.291.172
	Tổng		108.127.689
Ban kiểm soát	Bùi Nam Anh	Trưởng BKS	43.397.745
	Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	45.950.553
	Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	45.950.553
	Tổng		135.298.857

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.* Không

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Để Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu đã thông qua trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; đồng thời tăng cường tính minh bạch, công khai, công tác quản trị công ty cần tăng cường cụ thể như sau:

- Nắm chắc tình hình thị trường, duy trì ổn định thị trường đã có, phát triển thị trường mới; chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu dự trữ để ổn định sản xuất, đảm bảo sản phẩm cho thị trường tiêu thụ. Tăng cường công tác quản lý điều hành, quản lý chặt chẽ định mức KTKT, tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. khai thác hiệu quả các dự án đầu tư.


- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, tránh phát sinh sản phẩm lỗi phải bồi thường cho khách hàng.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ khách hàng, trong đó tập trung thu hồi công nợ phải thu quá hạn khó đòi để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư;

theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thường xuyên các khách hàng có số công nợ lớn, có biện pháp xử lý tình huống kịp thời để đảm bảo an toàn vốn.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, đảng, công đoàn, hội phụ nữ, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác hành chính trong toàn đơn vị; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính. 

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Chi tiết có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đinh Xuân Tý	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Đình Hùng	Thành viên (miễn bổ nhiệm ngày 28/07/2022)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/07/2022)
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Chiến	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/08/2022)
Ông Lê Văn Chiến	Quyền Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/08/2022)
Ông Lê Đình Hùng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2022)

Ban kiểm soát

Ông Bùi Nam Anh	Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)
Ông Trần Minh Hưng	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Đình Hùng - Giám đốc từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/07/2022; Ông Lê Văn Chiến - Quyền Giám đốc từ ngày 01/08/2022 đến 18/08/2022 và Giám đốc từ ngày 19/08/2022 đến nay.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Văn Chiến

Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số: 022702/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2023, từ trang 5 đến trang 31 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tới Thuyết minh số V.8 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đang hoạt động khai thác tại mỏ đá Châu Quang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1116/QG-BTNMT ngày 31/08/2004 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế - cổ đông lớn của Công ty. Thời gian khai thác từ ngày 31/08/2004 đến ngày 31/08/2034. Đây là tài sản Công ty nhận góp vốn từ cổ đông này. Mỏ Châu Quang đã được bàn giao cho Công ty theo Biên bản giao nhận Tài sản và vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu số 312/BB-CP ngày 22/02/2008; giá trị quyền khai thác mỏ đã làm thủ tục xuất hóa đơn và kê khai thuế. Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển tên quyền khai thác mỏ đá này trong thời gian tới. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Hoàng Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Hoàng Văn Phúc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.441.682.854	41.961.241.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.610.582.290	5.170.133.747
1. Tiền	111	V.1	9.610.582.290	5.170.133.747
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.322.115.789	28.725.728.392
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	16.400.891.191	28.227.162.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.000.000	475.986.949
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	81.198.498	200.270.617
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(186.973.900)	(177.691.500)
III. Hàng tồn kho	140	V.5	8.966.080.197	7.192.727.288
1. Hàng tồn kho	141		8.966.080.197	7.192.727.288
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.542.904.578	872.652.379
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	649.181.638	194.148.195
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		806.863.963	586.584.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	86.858.977	91.919.445
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.433.747.361	43.543.005.230
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.332.294.193	2.933.576.332
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	3.332.294.193	2.933.576.332
II. Tài sản cố định	220		24.657.816.263	30.484.042.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	22.936.064.392	28.603.868.660
- Nguyên giá	222		84.669.050.363	84.318.553.475
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.732.985.971)	(55.714.684.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.721.751.871	1.880.173.663
- Nguyên giá	228		3.200.254.101	3.200.254.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.478.502.230)	(1.320.080.438)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	177.980.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	177.980.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.443.636.905	9.947.406.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	10.443.636.905	9.947.406.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.875.430.215	85.504.247.036


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.903.955.254	35.144.339.247
I. Nợ ngắn hạn	310		21.716.534.213	31.517.272.038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	14.843.622.187	14.458.487.426
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		214.597.751	106.991.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	480.573.077	674.180.751
4. Phải trả người lao động	314		4.369.228.191	4.483.433.306
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	172.102.201	874.187.942
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	756.746.478	638.249.546
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	836.000.000	10.206.452.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.664.328	75.289.826
II. Nợ dài hạn	330		3.187.421.041	3.627.067.209
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	1.015.000.000	1.851.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.13	2.172.421.041	1.776.067.209
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.971.474.961	50.359.907.789
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	49.971.474.961	50.359.907.789
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.152.003.192	14.780.861.817
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.319.471.769	7.079.045.972
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.319.471.769	7.079.045.972
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.875.430.215	85.504.247.036



Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 02 năm 2023



Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chiến
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		165.171.459.239	157.803.608.857
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	165.171.459.239	157.803.608.857
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.521.723.094	87.009.376.770
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.649.736.145	70.794.232.087
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	717.169.346	394.367.227
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.013.562.024	916.971.405
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		489.404.000	627.905.053
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	58.574.319.378	53.873.236.823
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.083.070.693	8.351.115.404
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.695.953.396	8.047.275.682
10. Thu nhập khác	31		336.608.347	650
11. Chi phí khác	32	VI.7	818.422.614	40.504.696
12. Lợi nhuận khác	40		(481.814.267)	(40.504.046)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.214.139.129	8.006.771.636
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.894.667.360	927.725.664
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.319.471.769	7.079.045.972
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.896	2.130
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.896	2.130

Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chiến
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	185.534.418.320	156.888.152.504
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(131.754.596.265)	(120.575.515.610)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.352.353.986)	(19.111.990.949)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(494.083.799)	(688.187.900)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.912.168.775)	(816.121.275)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	496.991.162	225.560.747
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.728.215.810)	(11.176.796.211)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.789.990.847	4.745.101.306
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(492.459.983)	(587.895.127)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.784.267	4.123.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(438.675.716)	(583.771.671)
1. Tiền thu từ đi vay	33	15.986.733.703	22.950.877.422
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.193.185.703)	(26.225.300.672)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.906.452.000)	(8.974.423.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.444.863.131	(4.813.093.615)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.170.133.747	9.982.661.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.414.588)	565.586
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.610.582.290	5.170.133.747

Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 02 năm 2023

Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chiến
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Ngày 29 tháng 05 năm 2015, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 08 năm 2022.

Địa chỉ Công ty tại Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 28.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) tương ứng 2.850.000 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn các loại;
- c- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 114 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 115 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí sửa chữa và chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước (Tiếp theo)

Phí cấp quyền khai thác mỏ phân bổ theo thời gian khai thác mỏ căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản và có điều chỉnh theo Thông báo của cơ quan thuế hằng năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 12
Tài sản cố định khác	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có quyền khai thác mỏ đá.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra để được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền khai thác mỏ	20
Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ Châu Hồng và Châu Quang.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Theo Quyết định số 85/2007/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An, Khu kinh tế được hưởng các ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	265.376.165	110.929.524
Tiền gửi ngân hàng	9.345.206.125	5.059.204.223
Cộng	9.610.582.290	5.170.133.747

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	3.024.074.417	10.259.410.163
Công ty TNHH Bình Đông Sài Gòn	2.280.198.600	157.113.000
Công ty Cổ phần Nhựa Năm Châu	1.349.504.373	1.569.834.502
Các khách hàng khác	9.747.113.801	16.240.804.661
Cộng	16.400.891.191	28.227.162.326

b. Phải thu các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)

- 695.760.898

3. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	40.698.498	79.090.972
Phải thu khác của người lao động do tạm ứng lương	40.500.000	93.500.000
Phải thu khác		27.679.645
Cộng	81.198.498	200.270.617
b. Dài hạn		
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	2.973.300.293	2.650.668.532
Phải thu dài hạn khác	358.993.900	282.907.800
Cộng	3.332.294.193	2.933.576.332

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**4. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
Công ty Cổ phần Daeil Polychem & Friends	124.000.000	37.200.000	86.800.000	124.000.000	62.000.000	62.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Đại Nam	97.470.000	29.241.000	68.229.000	97.470.000	48.735.000	48.735.000
Các đối tượng khác	46.385.800	14.440.900	31.944.900	108.155.000	41.198.500	66.956.500
Cộng	267.855.800	80.881.900	186.973.900	329.625.000	151.933.500	177.691.500

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.028.099.357	-	1.883.634.550	-
Công cụ, dụng cụ	73.375.816	-	88.905.262	-
Thành phẩm nhập kho	2.421.743.185	-	3.201.573.261	-
Hàng gửi bán	2.442.861.839	-	2.018.614.215	-
Cộng	8.966.080.197	-	7.192.727.288	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	28.505.134.847	46.358.975.657	9.368.611.154	85.831.817	84.318.553.475
Mua trong năm	-	-	365.740.741	-	365.740.741
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	105.361.642	-	-	-	105.361.642
Thanh lý, nhượng bán	(120.605.495)	-	-	-	(120.605.495)
Số dư cuối năm	28.489.890.994	46.358.975.657	9.734.351.895	85.831.817	84.669.050.363
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	15.820.110.874	33.690.640.811	6.122.840.708	81.092.422	55.714.684.815
Khấu hao trong năm	1.753.564.849	3.443.079.120	925.478.280	4.739.395	6.126.861.644
Thanh lý, nhượng bán	(108.560.488)	-	-	-	(108.560.488)
Số dư cuối năm	17.465.115.235	37.133.719.931	7.048.318.988	85.831.817	61.732.985.971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	12.685.023.973	12.668.334.846	3.245.770.446	4.739.395	28.603.868.660
Số dư cuối năm	11.024.775.759	9.225.255.726	2.686.032.907	-	22.936.064.392

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 2.006.723.579 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.132.161.291 đồng).

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 28.274.620.539 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 11.760.176.522 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác mỏ (*)	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
Số dư cuối năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.288.262.256	31.818.182	1.320.080.438
Khấu hao trong năm	158.421.792	-	158.421.792
Số dư cuối năm	1.446.684.048	31.818.182	1.478.502.230
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.880.173.663	-	1.880.173.663
Số dư cuối năm	1.721.751.871	-	1.721.751.871

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 31.818.182 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 31.818.182 đồng).

(*) Bao gồm quyền khai thác mỏ đá Châu Hồng và mỏ đá Châu Quang:

Quyền khai thác mỏ đá Châu Quang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1116/QG-BTNMT ngày 31/08/2004 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế - cổ đông lớn của Công ty. Thời gian khai thác từ ngày 31/08/2004 đến ngày 31/08/2034. Đây là tài sản Công ty nhận góp vốn từ cổ đông này. Việc bàn giao mỏ Châu Quang đã được thực hiện theo Biên bản giao nhận Tài sản và vốn góp thành lập Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu số 312/BB-CP ngày 22/02/2008. Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế đã xuất hóa đơn giá trị quyền khai thác mỏ cho Công ty và Công ty đã thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng đầy đủ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển đổi tên trên Giấy phép khai thác mỏ từ Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế sang Công ty.

Quyền khai thác mỏ đá Châu Hồng theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1136/QG-BTNMT ngày 15/05/2015 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Thời gian khai thác 22 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	518.283.409	142.958.436
Chi phí bảo hiểm	15.202.319	22.823.486
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	115.695.910	28.366.273
Cộng	649.181.638	194.148.195
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	574.421.721	282.103.262
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	9.555.147.614	9.665.303.313
Chi phí sửa chữa	314.067.570	-
Cộng	10.443.636.905	9.947.406.575

(i) Bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Châu Hồng và mỏ đá Châu Quang.

CƠ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
 , huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

PHẦN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Biểu này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

NG TÍN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**I TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
ty Cổ phần Nhật Việt	5.202.971.329	5.202.971.329	1.408.197.818	1.408.197.818
ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu tại Nghệ An	1.722.828.202	1.722.828.202	538.743.636	538.743.636
ty CP Bao bì Nghệ An	1.611.158.009	1.611.158.009	1.982.361.073	1.982.361.073
ty TNHH TM & DV Hòa Tiến	1.411.505.836	1.411.505.836	1.145.328.342	1.145.328.342
đối tượng khác	4.895.158.811	4.895.158.811	9.383.856.557	9.383.856.557
g	14.843.622.187	14.843.622.187	14.458.487.426	14.458.487.426
g	63.000.000	63.000.000	325.000.003	325.000.003

g đó: Phải trả người bán là bên liên quan
 tiết tại Thuyết minh số VIII.1)

Ế VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
ác khoản phải thu				
ế nhập khẩu, xuất khẩu	86.838.977	2.103.571.235	2.118.048.767	72.361.445
ế nhà đất, tiền thuê đất	-	19.558.000		19.558.000
lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.000	1.861.629.146	1.861.649.146	-
g	86.858.977	3.984.758.381	3.979.697.913	91.919.445
ác khoản phải trả				
ế thu nhập doanh nghiệp	277.481.860	1.894.667.360	1.912.168.775	294.983.275
ế thu nhập cá nhân	851.375	357.544.851	361.514.554	4.821.078
ế tài nguyên	160.272.204	2.033.329.605	2.168.836.632	295.779.231
ế nhà đất, tiền thuê đất	-	172.401.057	172.401.057	-
lệ phí và các khoản phải nộp khác	41.967.638	531.094.284	567.723.813	78.597.167
g	480.573.077	4.989.037.157	5.182.644.831	674.180.751

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	2.783.066	7.462.865
Chi phí hoa hồng môi giới	3.360.000	234.163.637
Chi phí phải trả khác	165.959.135	632.561.440
Cộng	172.102.201	874.187.942

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	23.731.786	9.997.609
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	240.746.751	286.372.981
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	385.276.701	341.878.956
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	106.991.240	-
Cộng	756.746.478	638.249.546
Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)	626.023.452	628.251.937

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Hồng	1.103.552.363	907.820.447
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Quang	1.068.868.678	868.246.762
Cộng	2.172.421.041	1.776.067.209

LIÊN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Công Nghiệp Nam Cẩm,
 Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

ÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đây là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

PHỤ LỤC BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**Ợ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
hạn	-	-	15.986.733.703	24.881.985.703	8.895.252.000	8.895.252.000
thương mại cổ phần Ngoại thương Việt nhánh Vinh	-	-	14.986.733.703	23.881.985.703	8.895.252.000	8.895.252.000
in	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
đến hạn trả	836.000.000	836.000.000			1.311.200.000	1.311.200.000
thương mại cổ phần Ngoại thương Việt nhánh Vinh	836.000.000	836.000.000			1.311.200.000	1.311.200.000
	836.000.000	836.000.000			10.206.452.000	10.206.452.000

Ợ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
n	1.851.000.000	1.851.000.000	-	1.311.200.000	3.162.200.000	3.162.200.000
thương mại cổ phần Ngoại thương Việt nhánh Vinh {i}	1.851.000.000	1.851.000.000	-	1.311.200.000	3.162.200.000	3.162.200.000
	1.851.000.000	1.851.000.000	-	1.311.200.000	3.162.200.000	3.162.200.000
hi hạn đến hạn trả	(836.000.000)	(836.000.000)			(1.311.200.000)	(1.311.200.000)
hi bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)						
khoản nợ dài hạn	1.015.000.000	1.015.000.000			1.851.000.000	1.851.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

{i} Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 05/2019/6001/AMC ngày 03/7/2019, số tiền cho vay là 780.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,9%, nhằm mục đích mua xe xúc lật bánh lốp hiệu Liugong theo hợp đồng mua bán số 265/HA - AC/2019 ngày 26/06/2019. Số dư vay tại ngày 31/12/2022 là: 273.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng từng lần trung dài hạn số 05/2020/6001/AMC/TDH ngày 06/01/2020; trong đó: số tiền cam kết cho vay là 3.400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền mịn. Số dư vay tại ngày 31/12/2022 là: 1.578.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh được đảm bảo bởi các tài sản sau:

Tài sản gắn liền với thửa đất tại xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 theo Hợp đồng thế chấp số 05/2015/AMC/TCBDS1 ký ngày 14/10/2015.

Máy móc thiết bị, xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/AMC/TC ký ngày 26/07/2018.

Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 05/2020/AMC/TC ký ngày 28/08/2020.

Tài sản hình thành trong tương lai (hình thành từ dự án đầu tư): Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	836.000.000	1.311.200.000
Trong năm thứ hai	797.000.000	836.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	218.000.000	1.015.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	1.851.000.000	3.162.200.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	836.000.000	1.311.200.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.015.000.000	1.851.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2021	28.500.000.000	13.922.865.821	7.619.995.551	50.042.861.372
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	7.079.045.972	7.079.045.972
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	857.995.996	(857.995.996)	-
Cổ tức	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(761.999.555)	(761.999.555)
Thưởng ban điều hành	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2022	28.500.000.000	14.780.861.817	7.079.045.972	50.359.907.789
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	6.319.471.769	6.319.471.769
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	371.141.375	(371.141.375)	-
Cổ tức (*)	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(847.904.597)	(847.904.597)
Thưởng Ban điều hành (*)	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	28.500.000.000	15.152.003.192	6.319.471.769	49.971.474.961

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Dollar Mỹ (USD)	101.027	2.365.057.295	1.114	25.233.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng	165.171.459.239	157.803.608.857
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	526.808.520	656.034.587
- Doanh thu bán thành phẩm	164.644.650.719	157.147.574.270
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.171.459.239	157.803.608.857
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan	208.096.773	2.163.849.825
(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa	299.554.880	513.711.585
Giá vốn hàng bán của thành phẩm	88.222.168.214	86.495.665.185
Cộng	88.521.723.094	87.009.376.770

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền gửi ký quỹ phục hồi môi trường	129.870.367	71.620.856
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	587.298.979	322.746.371
Cộng	717.169.346	394.367.227

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	489.404.000	627.905.053
Lỗ chênh lệch tỷ giá	524.158.024	289.066.352
Cộng	1.013.562.024	916.971.405

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.589.515.774	1.854.005.457
Chi phí vật liệu, bao bì	643.796.774	544.545.466
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.081.134	16.385.455
Khấu hao tài sản cố định	92.860.785	129.538.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.436.900.308	48.409.107.709
Chi phí bằng tiền khác	1.794.164.603	2.919.654.681
Cộng	58.574.319.378	53.873.236.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.446.122.340	5.630.220.868
Chi phí vật liệu quản lý	503.765.552	233.780.152
Chi phí đồ dùng văn phòng	275.826.469	267.193.910
Khấu hao tài sản cố định	804.972.802	800.340.328
Thuế, phí, lệ phí	73.367.340	59.860.047
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	9.282.400	(316.467.379)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	588.692.686	477.032.575
Chi phí bằng tiền khác	1.381.041.104	1.199.154.903
Cộng	9.083.070.693	8.351.115.404

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.214.139.129	8.006.771.636
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	7.116.277	6.531.523
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm trước của tiền, nợ phải thu</i>	7.116.277	6.531.523
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.717.128.244	851.111.090
- <i>Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	227.637.228	227.637.228
- <i>Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp</i>	816.280.168	16.193.335
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm trước của tiền, nợ phải thu</i>	102.724.885	7.116.277
- <i>Khấu hao TSCĐ tương ứng phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng</i>	91.442.857	91.442.857
- <i>Chi phí không được trừ khác</i>	479.043.106	508.721.393
Thu nhập chịu thuế	9.924.151.096	8.851.351.203
Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN	7.639.953.794	9.277.256.644
Thu nhập tính thuế không hưởng ưu đãi	2.284.197.302	(425.905.441)
Thuế suất		
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN không hưởng ưu đãi	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.220.834.840	927.725.664
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	(42.590.544)	-
Thuế TNDN truy thu	716.423.064	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.894.667.360	927.725.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.319.471.769	7.079.045.972
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(916.925.324)	(1.007.904.597)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.402.546.445	6.071.141.375
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.896	2.130

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 và tiền thưởng ban điều hành năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2022.

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.047.312.159	49.121.600.112
Chi phí nhân công	21.165.042.423	20.969.649.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.285.283.436	7.016.502.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.082.961.986	79.045.768.248
Chi phí khác bằng tiền	6.674.967.215	8.136.685.142
Cộng	176.255.567.219	164.290.206.158

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:	15.986.733.703 đồng
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	15.986.733.703 đồng
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	26.193.185.703 đồng
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	26.193.185.703 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty TNHH 1 Thành Viên Du lịch Trường Sơn COECCO	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn (Đã dừng hoạt động)	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Xây dựng Coecco - Lào (Thành lập ở Lào)	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty phát triển miền núi (Thành lập ở Lào)	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty khoáng sản COECCO (Thành lập ở Lào)	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần nước khoáng và du lịch Sơn Kim Hà Tĩnh	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Sông Đà, Trường Sơn	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty TNHH 1 TV Khoáng sản và luyện kim Viên Chăn	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần gạch ngói 30/4	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Coecco	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sông Đà, Trường Sơn	208.096.773	2.163.849.825
Cộng	208.096.773	2.163.849.825
Mua hàng		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	3.830.509.223	3.747.183.550
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ Châu Quang	131.328.000	131.328.000
Chi phí thuê xe và máy móc	849.999.997	1.000.000.008
Cổ tức được nhận	2.280.000.000	2.280.000.000
Các khoản khác	569.181.226	335.855.542
Công ty Cổ phần Sông Đà, Trường Sơn	243.527.776	384.010.908
Cộng	4.074.036.999	4.131.194.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Sông Đà, Trường Sơn	-	695.760.898
Cộng	-	695.760.898
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	63.000.000	325.000.003
Cộng	63.000.000	325.000.003
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	240.746.751	286.372.981
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	385.276.701	341.878.956
Cộng	626.023.452	628.251.937

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	364.219.584	364.219.584
- Ông Đinh Xuân Tự - Chủ tịch HĐQT	91.054.896	91.054.896
- Ông Lê Đình Hùng - Nguyên thành viên HĐQT	39.836.517	68.291.172
- Ông Nguyễn Văn Hùng - Thành viên HĐQT	28.454.655	-
- Ông Lê Văn Chiến - Thành viên HĐQT	68.291.172	68.291.172
- Ông Nguyễn Trung Thành - Thành viên HĐQT	68.291.172	68.291.172
- Bà Nguyễn Thị Ngân - Thành viên HĐQT	68.291.172	68.291.172
Lương, thưởng của người quản lý	1.207.086.651	1.359.478.277
- Ông Lê Đình Hùng - Nguyên giám đốc	430.373.381	632.412.200
- Ông Lê Văn Chiến - Giám đốc	428.646.671	385.356.540
- Ông Quế Minh Hoàng - Kế toán trưởng	348.066.600	341.709.537
Lương, thù lao của Ban kiểm soát	279.938.805	425.575.022
- Ông Trần Minh Hưng - Nguyên Trưởng ban kiểm soát	144.639.954	333.673.916
- Ông Bùi Nam Anh - Trưởng ban kiểm soát	43.397.745	-
- Ông Nguyễn Thành Hưng - Thành viên ban kiểm soát	45.950.553	45.950.553
- Bà Trần Thị Hồng Thái - Thành viên ban kiểm soát	45.950.553	45.950.553
Cộng	1.851.245.040	2.149.272.883

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Tổng doanh thu phân bổ	122.024.022.244	43.147.436.995	165.171.459.239
Tổng chi phí phân bổ	112.751.618.904	34.344.423.568	147.096.042.472
Kết quả kinh doanh của bộ phận	9.272.403.340	8.803.013.427	18.075.416.767
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			1.053.777.693
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			12.809.722.691
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			6.319.471.769
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			7.407.699.715
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.092.281.699	3.568.609.530	13.660.891.229
Năm trước			
Tổng doanh thu phân bổ	108.264.432.493	49.539.176.364	157.803.608.857
Tổng chi phí phân bổ	102.115.431.600	38.767.181.993	140.882.613.593
Kết quả của bộ phận	6.149.000.893	10.771.994.371	16.920.995.264
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			394.367.877
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			10.236.317.169
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.079.045.972
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1.229.318.816
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.665.884.981	3.965.298.617	12.631.183.598

CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

INH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ình này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

NG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
uổi năm			
ản trực tiếp của bộ phận	13.530.549.549	2.870.341.642	16.400.891.191
tài sản không phân bổ của bộ phận			58.474.539.024
g tài sản			74.875.430.215
hải trả trực tiếp của bộ phận	130.629.911	83.967.840	214.597.751
hải trả không phân bổ của bộ phận			24.689.357.503
g nợ phải trả			24.903.955.254
ầu năm			
ản trực tiếp của bộ phận	24.676.669.230	3.550.493.096	28.227.162.326
tài sản không phân bổ của bộ phận			57.277.084.710
g tài sản			85.504.247.036
hải trả trực tiếp của bộ phận			-
hải trả không phân bổ của bộ phận			35.144.339.247
g nợ phải trả			35.144.339.247

l vực kinh doanh

Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là khai thác đá và sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn. Do vậy, g ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.



Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 02 năm 2023



Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chiến
Giám đốc